

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1285/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

VĂN PHÒNG UBND TP. HÀ NỘI	
ĐẾN	Số: 31373
	Ngày: 03/10/18
Chuyên:	KGVX
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trên quy mô quốc gia nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm ngưỡng an toàn thông tin tri thức khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế phù hợp với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Định hướng phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ đảm bảo bám sát chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, tập trung ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học, v.v...

## 2. Mục tiêu cụ thể

### a) Đến năm 2020

- Trong năm 2018, hoàn thiện và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tích hợp và đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ sau: Công bố khoa học và công nghệ trong nước, công bố quốc tế của các tác giả Việt Nam; chỉ số trích dẫn khoa học; thông tin sở hữu trí tuệ v.v...

- Bổ sung tập trung một số nguồn tin khoa học và công nghệ quốc tế cốt lõi cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp quốc gia, một số tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

- Đáp ứng cơ bản nhu cầu khai thác, sử dụng các nguồn tin khoa học và công nghệ ở các cấp, các ngành và các lĩnh vực, phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, gắn liền khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh.

### b) Đến năm 2025

- Hệ thống hoá, tích hợp đầy đủ và vận hành đồng bộ các nguồn tri thức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ để phục vụ công chúng.

- Mở rộng bổ sung tập trung các nguồn tin khoa học và công nghệ quốc tế cốt lõi đến các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của các bộ và thành phố trực thuộc trung ương, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học lớn trên cả nước.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu và số hoá tài liệu khoa học và công nghệ đặc thù tại các bộ, ngành, địa phương.

### c) Đến năm 2030

Tiếp tục bổ sung, phát triển các nguồn tin khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế, bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo và sản xuất kinh doanh.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng và phát triển các nguồn tin khoa học và công nghệ trong nước, bao gồm:

- Thông tin thư mục và toàn văn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

- Thông tin toàn văn về công bố khoa học và công nghệ đăng trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước, các bài công bố quốc tế của các tác giả Việt Nam.

- Thông tin phân tích trích dẫn các bài báo khoa học của Việt Nam.

- Thông tin về sở hữu trí tuệ trong nước.

- Thông tin khoa học và công nghệ đặc thù của các bộ, ngành, địa phương.

2. Bổ sung, mua quyền truy cập các nguồn tin khoa học và công nghệ của nước ngoài

- Bổ sung, mua quyền truy cập cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ những nguồn tin khoa học và công nghệ cốt lõi của nước ngoài, như: cơ sở dữ liệu khoa học nòng cốt, đa ngành của nhà xuất bản Elsevier, cơ sở dữ liệu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược, v.v... của nhà xuất bản Springer Nature, cơ sở dữ liệu tổng hợp của nhà xuất bản Taylor & Francis Group, cơ sở dữ liệu về khoa học xã hội và nhân văn của nhà xuất bản Sage, cơ sở dữ liệu phân tích trích dẫn, cho phép tìm kiếm, đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trên thế giới của nhà xuất bản Clarivate Analytics, thư viện điện tử Viện các kỹ sư điện và điện tử Hoa Kỳ và một số nguồn tin khác theo yêu cầu thực tế.

- Bổ sung, mua quyền truy cập các nguồn tin khoa học và công nghệ khác của nước ngoài phục vụ cho nhu cầu đặc thù của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

3. Chia sẻ và khai thác các nguồn tin khoa học và công nghệ

- Xây dựng nền tảng kỹ thuật dùng chung của hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; xây dựng tiêu chuẩn về dữ liệu và kết nối, cho phép liên kết và chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ với các cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ đặc thù của các bộ, ngành, địa phương.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy khai thác, sử dụng nguồn tin khoa học và công nghệ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo và sản xuất kinh doanh.

4. Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội, nhất là từ doanh nghiệp để phục vụ phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ.

5. Nâng cao năng lực cho các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của Thư viện khoa học và công nghệ quốc gia để trở thành trung tâm hàng đầu của cả nước về hệ thống thông tin khoa học và công nghệ.

### III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

#### 1. Ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ hằng năm

- Ngân sách cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ: Bổ sung tập trung các nguồn tin khoa học và công nghệ cốt lõi của nước ngoài; xây dựng và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; triển khai các hoạt động truyền thông, đào tạo, tập huấn; phát triển thư viện số, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của Thư viện khoa học và công nghệ quốc gia.

- Ngân sách nhà nước cấp cho các bộ, ngành, địa phương: Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ đặc thù của bộ, ngành, địa phương và nâng cao năng lực tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.

2. Các nguồn kinh phí khác: Nguồn vốn doanh nghiệp, tài trợ, viện trợ và nguồn huy động hợp pháp khác để phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

#### 1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của Đề án;

b) Quản lý, điều phối, theo dõi, giám sát việc phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trong cả nước; rà soát các nội dung của Đề án để bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về nội dung, kinh phí thực hiện;

- Gắn kết việc triển khai Đề án này với Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa" ban hành kèm theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

d) Bảo đảm các nguồn tin khoa học và công nghệ cốt lõi cho một số tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của các bộ và của các thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định danh mục các nguồn tin khoa học và công nghệ quốc tế cốt lõi cần bổ sung hằng năm; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương khai thác các nguồn tin khoa học và công nghệ.

2. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

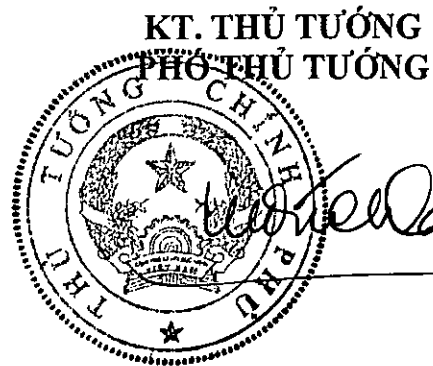
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí để thực hiện công tác phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ và triển khai các nội dung có liên quan của Đề án; xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ đặc thù của bộ, ngành, địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; chủ động khai thác, sử dụng các nguồn tin khoa học và công nghệ trong phạm vi đề án.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX (2).XH 115



**Vũ Đức Đam**

## THÔNG TƯ

**Quy định về xây dựng, ký kết và quản lý các chương trình  
hợp tác quốc tế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia**

**trong tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động  
nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia**

ĂN PHÒNG UBND TP. ĐÀ NẴNG

Số: 51660  
Số: 03/10/2018

Ngày: / /

huyện: A. Huyện K.

Mã hồ sơ số:

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ký kết và quản lý các chương trình hợp tác quốc tế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trong tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

###### 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về xây dựng, ký kết và quản lý các chương trình hợp tác quốc tế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) trong tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

###### 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam tham gia đăng ký, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng

lực khoa học và công nghệ quốc gia thuộc chương trình hợp tác quốc tế của Quỹ quy định tại Thông tư này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình hợp tác quốc tế của Quỹ* (sau đây viết tắt là chương trình) bao gồm các hoạt động hợp tác giữa Quỹ và tổ chức nước ngoài để cùng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong một hoặc một số lĩnh vực theo thời hạn được các bên thống nhất và được thể hiện thông qua văn bản hợp tác.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* bao gồm: nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng.

3. *Hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia* là các hoạt động nêu tại Điều 1 Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN ngày 15/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN).

4. *Văn bản hợp tác* là thỏa thuận hợp tác được Quỹ và đối tác của Quỹ ký kết, quy định những nội dung của chương trình.

5. *Đối tác của Quỹ* là tổ chức nước ngoài hợp tác với Quỹ trong việc cùng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

## **Điều 3. Mục tiêu xây dựng chương trình**

1. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, hỗ trợ trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế, tạo dựng môi trường nghiên cứu thuận lợi, hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Thu hút các nguồn lực nước ngoài (tài chính và nhân lực khoa học trình độ cao) cho nghiên cứu khoa học của Việt Nam.

3. Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tài trợ nghiên cứu khoa học của Việt Nam.

#### **Điều 4. Nguyên tắc hợp tác, lựa chọn đối tác của Quỹ**

1. Các bên tham gia chương trình có nghĩa vụ và trách nhiệm bình đẳng trong việc triển khai các công việc có liên quan, bảo đảm an ninh quốc gia, tuân thủ luật pháp của các nước tham gia, các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế có liên quan.

2. Đối tác của Quỹ cam kết đóng góp tài chính cho chương trình.

3. Quỹ ưu tiên lựa chọn, hợp tác với các tổ chức quy mô lớn và có chất lượng tài trợ, hỗ trợ cao ở các nước phát triển.

#### **Điều 5. Nguyên tắc xác định, quản lý, tài trợ, hỗ trợ các chương trình**

1. Việc xác định chương trình phải phù hợp với mục tiêu quy định tại Điều 3 Thông tư này và định hướng ưu tiên, kế hoạch và kinh phí hoạt động của Quỹ.

2. Việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong các chương trình thực hiện theo nguyên tắc tài trợ, hỗ trợ của Quỹ quy định tại Điều 4 của Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

3. Việc sử dụng và quản lý kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước do Quỹ tài trợ, hỗ trợ trong các chương trình thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và quy định quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

4. Với các chương trình tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổng kinh phí mà Quỹ tài trợ không quá 60% tổng kinh phí triển khai chương trình. Trường hợp đặc biệt (chương trình nhằm giải quyết vấn đề cấp thiết hoặc có ý nghĩa quan trọng đặc biệt với Việt Nam) do Giám đốc Cơ quan



điều hành Quỹ đề xuất trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

5. Với các chương trình hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, tổng kinh phí mà Quỹ có thể hỗ trợ tối đa 100% tổng kinh phí triển khai chương trình.

**Điều 6. Nguyên tắc xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia thuộc chương trình**

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Việc xét chọn trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại do Hội đồng khoa học và công nghệ của Quỹ và đối tác của Quỹ thành lập.

Chuyên gia đánh giá và thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ do Quỹ giới thiệu cần đáp ứng quy định tại văn bản quản lý hiện hành tương ứng với loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị tài trợ.

b) Việc đánh giá được thực hiện khách quan, dân chủ, bình đẳng, căn cứ vào hồ sơ đăng ký hợp lệ, theo quy định về điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và kết quả của nhiệm vụ tại văn bản quản lý hiện hành tương ứng với loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị tài trợ:

- Thông tư số 37/2014/TT-BKHHCN ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ (đối với nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản);

- Thông tư số 15/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ (đối với nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng);

- Thông tư số 40/2014/TT-BKHHCN ngày 18/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng).

2. Đối với hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia: Thực hiện theo nội dung văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ, phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG VÀ KÝ KẾT VĂN BẢN HỢP TÁC**

#### **Điều 7. Lựa chọn đối tác của Quỹ**

Trên cơ sở các quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư này, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành tìm kiếm, lựa chọn đối tác phù hợp, đàm phán xác định chương trình, các nội dung hợp tác và tiến hành xây dựng dự thảo văn bản hợp tác.

#### **Điều 8. Nội dung văn bản hợp tác**

Văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ cần có các nội dung chính sau đây:

1. Đối tượng, lĩnh vực hợp tác tài trợ, hỗ trợ;
2. Nguyên tắc đóng góp của các bên

Quy định cụ thể mức đóng góp, hình thức đóng góp và cam kết của các bên về việc bố trí nhân lực phù hợp, đủ năng lực đáp ứng công việc quản lý, tài trợ, hỗ trợ nghiên cứu khoa học theo thông lệ quốc tế;

3. Phương thức, tiêu chí, quy trình đánh giá xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong chương trình

Quy định dưới dạng Phụ lục kèm theo văn bản hợp tác, phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan;

4. Quyền sở hữu trí tuệ

Quy định việc sử dụng kết quả nghiên cứu thu được qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do các bên cùng tài trợ, hỗ trợ phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam và của quốc gia đối tác;

5. Thời gian có hiệu lực của văn bản hợp tác

Thời gian thực hiện theo thỏa thuận của Quỹ và đối tác của Quỹ. Quỹ và các đối tác thông báo cho nhau bằng văn bản về đề nghị chấm dứt hợp tác trước

thời hạn hoặc gia hạn hợp tác khi thời gian có hiệu lực của văn bản hợp tác sắp kết thúc;

#### **6. Hướng dẫn đăng ký tham gia chương trình**

Quy định dưới dạng Phụ lục kèm theo văn bản hợp tác, phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, quy định cụ thể hồ sơ đăng ký tham gia chương trình, các giấy tờ cần thiết kèm theo, các mốc thời gian cần lưu ý, yêu cầu đối với thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia đề nghị tài trợ, hỗ trợ.

#### **Điều 9. Ký kết văn bản hợp tác**

1. Thủ tục xin ý kiến, chuẩn bị ký kết văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý các hoạt động đối ngoại của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ, Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ ký văn bản hợp tác với đối tác của Quỹ.

### **Chương III**

#### **QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 10. Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia chương trình**

Quỹ phối hợp với đối tác đăng thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia chương trình công khai trên trang thông tin điện tử của cả hai bên. Thời gian tiếp nhận hồ sơ tối thiểu là 03 tháng kể từ ngày thông báo.

#### **Điều 11. Đánh giá xét chọn**

Quỹ phối hợp với đối tác của Quỹ lựa chọn chuyên gia đánh giá và thành viên tham gia Hội đồng khoa học và công nghệ, tổ chức đánh giá xét chọn hồ sơ đăng ký tham gia chương trình theo nguyên tắc, phương thức, tiêu chí quy định.

#### **Điều 12. Thông báo kết quả xét chọn**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề xuất tài trợ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành rà soát, trình phê duyệt và công bố danh mục nhiệm vụ được tài trợ; thẩm định và trình phê duyệt kinh phí; thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân được tài trợ thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định tại văn bản quản lý hiện hành tương ứng với nhiệm vụ đăng ký đề nghị tài trợ và văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ.

2. Đối với các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được đề xuất hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành rà soát, trình phê duyệt, công bố danh mục các hoạt động được hỗ trợ và thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân được hỗ trợ thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN và văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác của Quỹ.

**Điều 13. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia**

Quỹ thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định chung của Quỹ và đối tác của Quỹ trên cơ sở phù hợp với các văn bản có liên quan như sau:

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt tài trợ, thực hiện theo quy định tại văn bản quản lý hiện hành tương ứng với loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ.

2. Đối với hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được phê duyệt hỗ trợ, Quỹ tiến hành thủ tục cấp kinh phí, quản lý thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN.

**Điều 14. Trách nhiệm của Quỹ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình**

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ: Trách nhiệm của Quỹ, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong chương trình thực hiện theo quy định tại văn bản quản lý hiện hành tương ứng với loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ.

2. Đối với hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được hỗ trợ: Trách nhiệm của Quỹ, tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ trong chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHHCN.

3. Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện chương trình, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ khi kết thúc chương trình.

**Chương IV**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.
2. Đối với các chương trình hợp tác Quỹ đã ký kết với các đối tác trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung văn bản hợp tác đó.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, NAFOSTED.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh

Số: 3003 /BKHCN-TĐC  
V/v hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn  
quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TP. ĐÀ NẴNG	
Kính gửi:	
ĐẾN	Số: 31608 03-10-2018
Chuyển:	A. Hiep. ka
Lưu hồ sơ số:	

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 10122/BTC-HCSN ngày 22/8/2018 về chế độ tài chính áp dụng đối với TCVN ISO 9001:2015, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước như sau:

### **I. Các nội dung liên quan đến áp dụng phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

#### **1. Đối với các cơ quan, tổ chức lần đầu xây dựng, áp dụng HTQLCL:**

Nghiên cứu, áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Nội dung và các bước xây dựng và áp dụng HTQLCL thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức chuyển đổi áp dụng từ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, thực hiện theo các nội dung sau:

a) Đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, so sánh sự thay đổi giữa tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

b) Đánh giá thực trạng tình hình áp dụng HTQLCL của cơ quan, tổ chức so với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

c) Lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng, chuyển đổi áp dụng phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

d) Rà soát lại thành phần Ban Chỉ đạo ISO, quyết định duy trì hoặc không duy trì (nếu thấy không cần thiết) chức danh Đại diện lãnh đạo về chất lượng.

đ) Đào tạo cách thức xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

e) Xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp (ví dụ, quyết định việc tiếp tục duy trì, sửa đổi, bổ sung Sổ tay chất lượng, thủ tục kiểm soát hồ sơ, tài liệu...; xây dựng các tài liệu về xác định bối cảnh, xác định nhu cầu mong đợi của các bên quan tâm, nhận diện và kiểm soát rủi ro, quản lý tri thức, kiểm soát sự thay đổi, đánh giá hiệu quả công việc...). Việc xây dựng, cập nhật HTQLCL cần căn cứ vào thực trạng tình hình áp dụng HTQLCL của cơ quan, tổ chức và các nội dung yêu cầu trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

g) Phổ biến, hướng dẫn áp dụng HTQLCL đã xây dựng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong phạm vi xây dựng, áp dụng HTQLCL.

h) Áp dụng trên thực tế HTQLCL đã xây dựng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 khi được Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt.

i) Đào tạo đội ngũ chuyên gia đánh giá nội bộ.

k) Thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục và tiến hành xem xét của Lãnh đạo, cải tiến HTQLCL.

l) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác nhận hiệu lực của HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

m) Công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến HTQLCL theo quy định.

Cơ quan, tổ chức có thể thuê tổ chức tư vấn, cơ sở đào tạo đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đào tạo theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN để phối hợp trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên (nếu thấy cần thiết).

## **II. Hướng dẫn về kinh phí thực hiện**

1. Đối với cơ quan, tổ chức lần đầu xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

Áp dụng theo nội dung chi và mức chi quy định cho đơn vị thực hiện xây dựng, áp dụng HTQLCL lần đầu tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 116/2015/TT-BTC).

2. Đối với các cơ quan, tổ chức chuyển đổi áp dụng từ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, thực hiện theo các nội dung sau:

a) Đối với các hoạt động đào tạo để thực hiện việc chuyển đổi: đề nghị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Đối với hoạt động liên quan đến đánh giá thực trạng, xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện đánh giá nội bộ, cải tiến HTQLCL: đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 116/2015/TT-BTC.

3. Nguồn kinh phí thực hiện việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi HTQLCL: trong dự toán Ngân sách nhà nước được giao hằng năm của các cơ quan, tổ chức. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC.

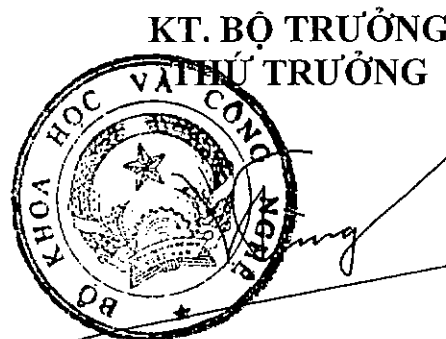
### III. Về tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận

Các tổ chức, chuyên gia đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá, thẻ chuyên gia tư vấn, đánh giá theo phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN) được thực hiện hoạt động tư vấn, đánh giá theo phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia đã cấp.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn để các Bộ, ngành, địa phương biết, triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu VT, TĐC.



Trần Văn Tùng